

Số: 35/2025/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh ngày 10/02/1984; Căn cước công dân số 037184000240, cấp ngày 24/10/2022, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C; địa chỉ: xóm B, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn T1, sinh ngày 19/02/1980; Căn cước công dân số 036080005246, cấp ngày 07/10/2022, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C, địa chỉ: xóm B, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung, con riêng:

Về con chung: chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T1 thỏa thuận vợ chồng có 03 con chung là cháu Vũ Thị T2, sinh ngày 14/01/2005; cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 14/10/2016; cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 20/5/2018. Khi ly hôn do cháu Vũ Thị T2 đã thành niên nhưng bị bệnh động kinh nên giao cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Vũ Thị T2, sinh ngày 14/01/2005; cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 14/10/2016 và cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 20/5/2018.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T1 thỏa thuận vợ chồng không có con riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T1 thỏa thuận anh Vũ Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị T là cháu Vũ Thị T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến hết cuộc đời.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

2.3. Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0000195 ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trịnh Thị Hoài Thu